

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2018/HS-ST
Ngày: 19 - 7- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Thị Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Văn Mừng**

- Bà **Lương Thị Điện**

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Phương** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09 /2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn D - Sinh năm 1995 tại xã Th, huyện Q; Nơi cư trú: bản S, xã Th, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông **Phạm Văn A** và bà **Vi Thị Ch** – hiện đang trú tại bản S – xã T - Quan hóa,

Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 06 (Sáu) ngày, từ ngày 01/4/2018 đến ngày 07/4/2018 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Quan Hóa; sau đó được Cơ quan điều tra thay đổi biện pháp ngăn chặn thành cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo: ông **Nguyễn Ngọc Khang** – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh hóa.

- Bị hại: Anh Lê Xuân V – Sinh năm:1971 (có mặt)

Địa chỉ: bản Ch, xã Th, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lương Văn T – sinh năm 1993 hiện đang trú tại: Bản T, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Nguyễn Thọ B- sinh năm 1973 hiện đang trú tại Phố M, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18giờ ngày 28 tháng 10 năm 2015 tại phòng anh Lê Xuân V ở khu tập thể cán bộ giáo viên trường tiểu học xã Th, huyện Q bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản gồm: 01(Một) máy tính xách tay nhãn hiệu Lennovo G460; số tiền 2.250.000đ(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và một số giấy tờ tùy thân của anh V. Sau khi nhận được tin báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan hóa đã xác minh, đến ngày 23/11/2015 khởi tố vụ án số 23/CSĐT vì có dấu hiệu tội phạm: “ Trộm cắp tài sản” hết thời hạn điều tra chưa xác định được bị can Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan hóa quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự.

Ngày 01/4/2018 Phạm Văn D – sinh năm 1995 trú tại bản S, xã Th, huyện Q, tỉnh Thanh hóa đến Công an huyện Quan hóa đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 18 giờ ngày 28/10/2015 D đi bộ từ nhà đến khu tập thể giáo viên trường tiểu học xã Th (bản Ch, xã Th) phát hiện phòng của anh V đang mở cửa, D quan sát không có ai nên lén lút vào phòng lấy trộm một chiếc máy tính xách tay đang để trên bàn uống nước, khi quay trở ra thì thấy một chiếc ví da màu nâu để ở trên giường, D trộm luôn cả ví và mang ra bờ suối Khiết mở ra thấy bên trong có 2.300.000đ(Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và một số giấy tờ tùy thân của anh V. Dừng lấy số tiền trên vứt lại ví và giấy tờ tại bờ suối Khiết. D mang máy Laptop về nhà cất giấu và tiêu sài cá nhân số tiền đã trộm cắp được.

Ngày 02/11/2015 D lấy chiếc máy tính trộm cắp được mang đi hỏi bán cho anh Lê Xuân Th sinh năm 1990 trú tại phố M, xã N, huyện Q, nhưng anh Th không mua, D gửi lại máy Laptop tại nhà anh Th. D gọi điện cho Lương Văn T sinh năm 1993 trú tại bản T, xa N, huyện Q hỏi T có chỗ nào mua máy tính không, T biết chỗ mua máy tính, T và D mang máy Laptop bán cho anh Nguyễn Thọ B trú tại phố M, xã N, huyện Q được 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng) D

tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. sáng 03/11/2015 D bỏ đi làm thuê nhiều nơi đến ngày 01/4/2018 D đến Công an huyện Quan hóa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Sau khi mua máy tính với D xong Nguyễn Thọ B xem kỹ thấy nghi ngờ chiếc máy do trộm cắp mà có nên điện báo cho anh Lê Thế H là công chức xã N anh B đã nộp chiếc máy tính cho Công an xã N. Công an xã N lập biên bản thu giữ báo cho anh V đến nhận dạng máy tính và nhận là máy tính Laptop của anh vì tất cả các dữ liệu trên máy chưa bị xóa.

Tại bản kết luận hội đồng định giá tài sản ngày 19/11/2015 của Hội đồng định giá tài sản huyện Quan hóa kết luận: giá trị còn lại của chiếc máy tính xách tay hiệu Lenovo có trị giá: 6.000.000đ(Sáu triệu đồng). Tổng trị giá tài sản Dũng trộm cắp là 8.300.000đ(Tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án là chiếc máy tính xách tay hiệu Lenovo Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu anh Lê Xuân V.

Bồi thường dân sự: ông Phạm Văn A(bố đẻ của bị cáo D đã trả cho anh Lê Xuân V số tiền 2.300.000đ(Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và cho anh Lê Thọ B 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) Anh V và Anh B không yêu cầu phần bồi thường dân sự.

Các giấy tờ tùy thân của anh Lê Xuân V bị Dũng trộm cắp do chị Hà Thị Th trú tại bản Ch, xã Th nhất được tại bờ suối Khiết đã giao nộp cho Công an xã Th. Ngày 29/10/2015 Ban công an xã Thiên phủ đã giao trả lại cho anh Lê Xuân V toàn bộ giấy tờ tùy thân.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT- VKS ngày 19 tháng 6 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo từ 06 đến tháng 09 tháng, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết vấn đề trong vụ án: án phí.

Bị hại trong phần tranh luận không đưa ra yêu cầu bồi thường đối với bị cáo và có **Đơn đề nghị HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.**

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo luôn tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Gia đình bị cáo đã chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho những người bị hại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo ra đầu thú. Từ những căn cứ trên, người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét áp dụng: khoản 1 Điều 138, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999, xử phạt bị cáo một mức án thấp của khung hình phạt, đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã gửi lời xin lỗi bị hại, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì.

[2] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản, bản ảnh hiện trường, Lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, lén lút vào phòng trộm cắp 01 máy tính xách tay trị giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và số tiền 2.300.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật; nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý đúng mức để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Đối với các tình tiết giảm nhẹ, xét quan điểm của người bào chữa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bố của bị cáo đã chủ động khắc phục, bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho người bị hại. Toàn bộ tài sản trộm cắp được đã được thu hồi trả lại cho bị hại; hành vi của bị cáo gây hậu quả chưa lớn. Bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS Năm 1999 để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về hình phạt:* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao về hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo, giao bị cáo cho UBND xã Thiên phủ, huyện Quan hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để bị cáo yên tâm cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện gạt bỏ lỗi lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không có yêu cầu bồi thường đối với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[08] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 19/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng lệ phí, án phí Tòa án.

1. *Tuyên:* Bị cáo **Phạm Văn D** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2. *Xử phạt :* Bị cáo Phạm Văn D 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn D cho UBND xã Th giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. *Về án phí:* Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại. Người có QLNV liên quan. Bị cáo, bị hại, người có QLNV liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm ngày); kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thị Mai

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Thị Mai